

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **40/2020/HS-ST**
Ngày: 05-05-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Long Thị Tuyết Mai.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Oanh.
2. Ông Nguyễn Văn Quang.

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên toà: Ông Bàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 04 và ngày 05 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bàng Văn N, sinh ngày 22/12/1986 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn Văn S, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Sán Dìu; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàng Văn Đ, sinh năm 1952 và bà Dương Thị C, sinh năm 1955; vợ: Trần Thị D, sinh năm 1987; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 10/02/2020, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/11/1985 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965 và bà Đặng Thị N (đã chết); chồng: Hoàng Văn M, sinh năm 1983 (đã ly hôn); con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 10/02/2020, được thay thế

bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Ôn Văn Đ, sinh ngày 26/12/1979 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Sán Dìu; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ôn Văn Đ, sinh năm 1938 và bà Hoàng Thị L (đã chết); vợ: Đặng Thị T, sinh năm 1979; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007; tiền sự: Không;

Tiền án: Có 01 tiền án (Bản án số 31/2018/HS-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 12 tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn thi hành từ ngày 30/6/2018, phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm, ngày 30/5/2018 thi hành xong án phí, ngày 30/6/2019 thi hành xong hình phạt Cải tạo không giam giữ.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 211 ngày 27/11/2017 của Phòng hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt về hành vi đánh bạc số tiền 1.500.000đồng, ngày 27/11/2017 thi hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 10/02/2020, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Ôn Văn K, sinh ngày 22/4/1986 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Sán Dìu; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ôn Văn Đ, sinh năm 1938 và bà Hoàng Thị L (đã chết); vợ: Chu Thị S, sinh năm 1988 (đã ly hôn); con: Có 01 con, sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 10/02/2020, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5. Lưu Hùng C, sinh ngày 10/7/1985 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Sán Dìu; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn C (đã chết) và bà Bàng Thị V, sinh năm 1958; vợ cả: Lê Thị H, sinh năm 1986 (đã ly hôn), vợ hai Lưu Thị B, sinh năm 1992; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2004 (con chung với Lê Thị H), con nhỏ sinh năm 2014 (con chung với Lưu Thị B); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 85 ngày 09/6/2017 của Phòng hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt về hành vi đánh bạc số tiền 1.500.000đồng, ngày 09/6/2017 thi hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 10/02/2020, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6. Lý Thanh B, sinh ngày 17/7/1979 tại huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn Làng T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Sán Dìu; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn T, sinh năm 1946 và bà Lưu Thị T, sinh năm

1945; vợ: Dương Thị S, sinh năm 1980; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 209 ngày 27/11/2017 của Phòng hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt về hành vi đánh bạc số tiền 1.500.000 đồng, ngày 27/11/2017 thi hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

7. Hoàng Văn T, sinh ngày 05/4/1992 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Sán Dìu; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn P, sinh năm 1965 và bà Dương Thị T, sinh năm 1964; vợ: Trương Thị T, sinh năm 1993; con: Có 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 10/02/2020, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ôn Bình N, sinh năm 1977, trú tại: thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Lê Văn H, Hoàng Văn C (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 00 phút ngày 01/02/2020, tại tầng 2 nhà của gia đình Ôn Bình N, sinh năm 1977, thôn C, xã T, huyện Sơn Dương; Tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện S, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lưu Hùng C sinh năm 1985, trú tại thôn T; Hoàng Văn T, sinh năm 1992, trú tại thôn T; Bàn Văn N, sinh năm 1986, trú tại thôn V; Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; Ôn Văn D, sinh năm 1979; Ôn Văn K, sinh năm 1986, cùng trú tại thôn C, xã T về hành vi đánh bạc, hình thức đánh Ba cây bằng tú lơ khơ được thua bằng tiền. Khi bị phát hiện bị cáo Lý Thanh B, sinh năm 1979, trú tại thôn L, xã T đã bỏ chạy. Tang vật thu giữ gồm: Thu trên chiếu bạc 14.500.000đồng; Bàn Văn N tự giao nộp 3.500.000đồng; Ôn Văn K tự giao nộp 50.000đồng; Lưu Hùng C nộp 200.000đồng (Tổng cộng: **18.250.000đ** (*Mười tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*)); 01 ví giả da màu nâu của Bàn Văn N; 01 ví giả da màu vàng của Ôn Văn K; 36 quân bài tú lơ khơ; 01 chiếu cỏi (đều đã qua sử dụng).

Quá trình điều tra chứng minh: Khoảng 15 giờ ngày 01/02/2020 các bị cáo trên cùng nhau đến nhà Ôn Bình N, trú tại thôn C, xã T (vợ chồng N không ai ở nhà chỉ có 02 cháu nhỏ con của N ở nhà). Sau đó cùng rủ nhau đến tầng 2 nhà N để đánh bạc, Ôn Văn K là người chuẩn bị bộ tú lơ khơ và 01 chiếu cỏi, hình thức đánh Ba cây bằng tú lơ khơ được thua bằng tiền, mức sát phạt từ 50.000đồng trở lên. Cụ thể như sau:

1. Bàn Văn N có **4.000.000đồng**, đánh thua 500.000đồng, khi bị bắt còn để trong ví số tiền 3.500.000đồng đã giao nộp.

2. Nguyễn Thị T tham gia đánh bạc có **3.800.000đồng**, đánh thua 450.000đồng, khi bị bắt số tiền còn lại để trên chiếu đã bị thu giữ.

3. Ôn Văn D tham gia đánh bạc có **2.000.000**đồng, không xác định được thắng thua, khi bị bắt để tiền trên chiếu bạc và đã bị thu giữ.

4. Ôn Văn K tham gia đánh bạc có **1.050.000**đồng, thua 1.000.000đồng, khi bị bắt còn 50.000đồng đã giao nộp.

5. Lưu Hùng C tham gia đánh bạc **1.000.000**đồng, thua 800.000đồng, khi bị bắt còn 200.000đồng đã nộp cho Công an.

6. Lý Thanh B tham gia đánh bạc số tiền **900.000**đồng khi bị phát hiện để tiền trên chiếu bạc bỏ chạy.

Ngoài ra B khai khi đánh bạc còn có đối tượng Lê Văn H, sinh năm 1992, trú tại thôn L, xã T và Hoàng Văn C, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã T tham gia đánh bạc (Lê Văn H khai chỉ ngồi xem các bị cáo đánh bạc, không tham gia đánh bạc, Hoàng Văn C khai đến địa điểm đánh bạc gọi bị cáo Hoàng Văn T (em ruột) đi về, C không tham gia đánh bạc).

7. Hoàng Văn T tham gia đánh bạc có **500.000**đồng, thua hết.

Tổng số tiền 07 bị cáo tham gia đánh bạc xác định là **13.250.000đ** (*Mười ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Nhưng số tiền Cơ quan điều tra thu giữ là **18.250.000**đồng còn chênh lệch số tiền 5.000.000đồng không chứng minh được của bị cáo nào nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về số tiền này.

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKSSD, ngày 27 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Bàng Văn N, Nguyễn Thị T, Ôn Văn D, Ôn Văn K, Lưu Hùng C, Lý Thanh B, Hoàng Văn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị HĐXX xem xét mức án nhẹ nhất.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Bàng Văn N, Nguyễn Thị T, Ôn Văn D, Ôn Văn K, Lưu Hùng C, Lý Thanh B, Hoàng Văn T phạm tội: “Đánh bạc”.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 321, đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

1. Xử phạt bị cáo **Ôn Văn D** từ 08 tháng đến 11 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 10/02/2020.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

2. Xử phạt bị cáo **Bàng Văn N** từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Xử phạt bị cáo **Ôn Văn K** từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Xử phạt bị cáo **Lưu Hùng C** từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Xử phạt bị cáo **Lý Thanh B** từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

7. Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T** từ 09 tháng đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 10/02/2020.

Xét thấy kết quả xác minh tài sản, các bị cáo làm ruộng, không có tài sản riêng có giá trị nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết việc xử lý vật chứng, khoản tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc xem xét hành vi của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Ngoài lời khai nhận của các bị cáo, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ cùng toàn bộ những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 15 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút ngày 01/02/2020, tại tầng 2 nhà của gia đình Ôn Bình N, sinh năm 1977 (anh trai ruột của bị cáo Ôn Văn K), thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; các bị cáo Bằng Văn N, Lưu Hùng C, Ôn Văn K, Ôn Văn D, Nguyễn Thị T, Hoàng Văn T và Lý Thanh B có hành vi đánh bạc, hình thức đánh Ba cây bằng tú lơ khơ được thua bằng tiền, mức sát phạt từ 50.000đồng trở lên. Trong đó, Ôn Văn K là người chuẩn bị bộ tú lơ khơ và 01 chiếu cỏi để làm công cụ đánh bạc. Số tiền các bị cáo khai sử

dụng vào việc đánh bạc là **13.250.000đ** (Mười ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Cụ thể như sau:

1. Bàn Văn N tham gia đánh bạc có 4.000.000đồng.
2. Nguyễn Thị T tham gia đánh bạc có 3.800.000đồng.
3. Ôn Văn D tham gia đánh bạc có 2.000.000đồng.
4. Ôn Văn K tham gia đánh bạc có 1.050.000 đồng.
5. Lưu Hùng C tham gia đánh bạc 1.000.000đồng.
6. Lý Thanh B tham gia đánh bạc số tiền 900.000đồng.
7. Hoàng Văn T tham gia đánh bạc có 500.000đồng.

Tổng số tiền Cơ quan điều tra thu giữ **18.250.000đồng** còn chênh lệch số tiền 5.000.000đồng so với lời khai nhận của các bị cáo, số tiền 5.000.000đồng không chứng minh được của bị cáo nào nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về số tiền này.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi của mỗi bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với tính chất là đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc. Do có nhiều bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nên khi quyết định hình phạt cần đánh giá, xem xét vai trò của từng bị cáo, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để ra bản án cho phù hợp.

[2] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Bị cáo Ôn Văn D, Lưu Hùng C và Lý Thanh B, có nhân thân xấu, đều bị Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Các bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Ôn Văn D đã bị xét xử về tội “Đánh bạc” năm 2018, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm” theo đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo Bàn Văn N, Lưu Hùng C, Ôn Văn K, Nguyễn Thị T, Hoàng Văn T, Lý Thanh B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho phù hợp đối với từng bị cáo.

Các bị cáo phạm tội với tính chất là đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, nhiều bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để phân hóa vai trò đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Bàn Văn N tham gia đánh bạc có 4.000.000đồng, đã sử dụng 500.000đồng đánh bạc, còn lại 3.500.000đồng khi công an đến bắt, bị cáo tự lấy từ trong ví ra giao nộp và xác định nếu thua sẽ sử dụng số tiền đó đánh bạc tiếp; bị cáo Nguyễn Thị T tham gia đánh bạc có 3.800.000đồng, đã sử dụng số tiền đánh bạc 450.000đồng, còn lại 3.350.000đồng khi công an đến bắt, bị cáo bỏ hết số tiền đó xuống chiếu; bị cáo Ôn Văn K số tiền đánh bạc không lớn, nhưng là người chuẩn bị dụng cụ đánh bạc, vì vậy xử các bị cáo mức án ngang bằng nhau là phù hợp.

Các bị cáo Lưu Hùng C, Lý Thanh B, Hoàng Văn T số tiền đánh bạc không lớn, nhưng nhân thân bị cáo C, B đã bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, nên C, B vai trò cao hơn, bị cáo Hoàng Văn T có vai trò thấp nhất trong vụ án.

Xét thấy các bị cáo Bàn Văn N, Lưu Hùng C, Ôn Văn K, Nguyễn Thị T, Hoàng Văn T, Lý Thanh B có nơi cư trú rõ ràng, trước khi phạm tội các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú và có khả năng tự cải tạo. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu phạm tội, nên không cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho cải tạo tại địa phương cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đối với bị cáo Ôn Văn D, số tiền sử dụng đánh bạc không lớn (2.000.000đồng), nhưng đã có 01 tiền án về hành vi đánh bạc, phạm tội lần này là tái phạm. Do đó, cần buộc bị cáo Ôn Văn D phải chấp hành hình phạt tù giam mới đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Quá trình điều tra đã xác định, các bị cáo làm ruộng, không có tài sản gì có giá trị, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự và không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo bị xử phạt Cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[5] Về vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tạm giữ: Số tiền 14.500.000đồng thu trên chiếu bạc; Bàn Văn N giao nộp 3.500.000đồng; Ôn Văn K giao nộp 50.000đồng; Lưu Hùng C giao nộp 200.000đồng, tổng cộng: **18.250.000đ** (*Mười tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*); 01 ví giả da màu nâu của Bàn Văn Ngọc; 01 ví giả da màu vàng của Ôn Văn K; 36 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếu cói (đều đã qua sử dụng).

Đối với số tiền **18.250.000đ** (*Mười tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) là số tiền thu trên chiếu bạc và số tiền các bị cáo đã sử dụng và sẽ sử dụng vào việc đánh bạc, tự giác giao nộp, là tang vật của vụ án cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

Đối với 01 ví giả da màu nâu của Bàn Văn N; 01 ví giả da màu vàng của Ôn Văn K là tài sản của các bị cáo, không sử dụng vào việc phạm tội, cần tuyên trả lại cho các bị cáo.

Đối với 36 quân bài tứ lơ khơ, 01 chiếu cói (đều đã qua sử dụng) là công cụ, phương tiện phạm tội của các bị cáo cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với Ôn Bình N khi các bị cáo đánh bạc tại nhà mình, N vắng nhà không biết các bị cáo đánh bạc nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Lê Văn H và Hoàng Văn C có mặt tại địa điểm đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc nên không có căn cứ xử lý.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Các bị cáo Bàn Văn N, Nguyễn Thị T, Ôn Văn D, Ôn Văn K, Lưu Hùng C, Lý Thanh B, Hoàng Văn T phạm tội “*Đánh bạc*”.

* Căn cứ: khoản 1 Điều 321; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

1. Xử phạt bị cáo **Ôn Văn D** 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 10/02/2020.

* Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

2. Xử phạt bị cáo **Bàn Văn N** 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 16 (mười sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/05/2020).

3. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 16 (mười sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/05/2020).

4. Xử phạt bị cáo **Ôn Văn K** 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 16 (mười sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/05/2020).

5. Xử phạt bị cáo **Lưu Hùng C** 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 14 (mười bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/05/2020).

6. Xử phạt bị cáo **Lý Thanh B** 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 14 (mười bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/05/2020).

Giao các bị cáo **Bàng Văn N**, **Nguyễn Thị T**, **Ôn Văn K**, **Lưu Hùng C**, **Lý Thanh B** cho UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

7. Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T** 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 10/02/2020 là 09 ngày bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo **Hoàng Văn T** được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

Giao bị cáo **Hoàng Văn T** cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

* Căn cứ Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Tịch thu, tiêu hủy: 36 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếu cói (đều đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo **Bàng Văn N** 01 ví giả da màu nâu; bị cáo **Ôn Văn K** 01 ví giả da màu vàng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản thu giữ và biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương lập ngày 01/4/2020).

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền đã tạm giữ là 18.250.000đ (Mười tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

(Số tiền trên hiện đang trong tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương).

* Căn cứ vào các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện SD;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Long Thị Tuyết Mai